TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN T	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH T	*T, ngày 09 tháng 8 năm 2021*
Số: 192 /2021/QĐST - HNGĐ	

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 93/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2021 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trịnh Vinh C ; Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn 6, xã X, huyện T, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Lê Thị T; Sinh năm: 1993

Địa chỉ: thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 55; 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30/ 7/2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30/7/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có sự đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trịnh Vinh C và chị Lê Thị T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Trịnh Vinh C và chị Lê Thị T đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn.
- Về con chung : Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Hai bên thống nhất thỏa thuận anh Trịnh Vinh C chịu toàn bộ án phí DSST là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số

AA/2019/0006409 ngày 08/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh Trịnh Vinh C được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện T;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

CAO HỒNG ĐỨC